

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC
VÕ THỊ THỪA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh sinh năm 2015. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn phường theo kế hoạch tuyển sinh của UBND Quận 12.	- Tạm trú trên địa bàn phường An Phú Đông.	- Tạm trú trên địa bàn phường An Phú Đông.	- Tạm trú trên địa bàn phường An Phú Đông.	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông. - Kỹ năng sống. - Tiếng Anh đề án. - Tiếng Anh với GV người nước ngoài.	- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông. - Kỹ năng sống. - Tiếng Anh đề án. - Tiếng Anh với GV người nước ngoài.	- Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 ban hành chương trình giáo dục phổ thông. - Kỹ năng sống. - Tiếng Anh đề án. - Tiếng Anh với GV người nước ngoài. - Phổ cập bơi lội.	- Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 ban hành chương trình giáo dục phổ thông. - Kỹ năng sống. - Tiếng Anh đề án. - Tiếng Anh với GV người nước ngoài.	

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên trao đổi thông tin. - Hợp phụ huynh học sinh định kỳ. - Tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. - Quan tâm việc học ở nhà.	- Thường xuyên trao đổi thông tin. - Hợp phụ huynh học sinh định kỳ. - Tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. - Quan tâm việc học ở nhà.	- Thường xuyên trao đổi thông tin. - Hợp phụ huynh học sinh định kỳ. - Tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. - Quan tâm việc học ở nhà.	- Thường xuyên trao đổi thông tin. - Hợp phụ huynh học sinh định kỳ. - Tạo điều kiện về vật chất và tinh thần. - Quan tâm việc học ở nhà.	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hiến kế. - Góp ý. - Hỗ trợ kinh phí.	- Hiến kế. - Góp ý. - Hỗ trợ kinh phí.	- Hiến kế. - Góp ý. - Hỗ trợ kinh phí.	- Hiến kế. - Góp ý. - Hỗ trợ kinh phí.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100%	100%	100%	100%	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	97%	97.0%	98%	98%	

Quận 12, ngày 05 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022
(Bảng số liệu chi tiết đính kèm)**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1228	373	294	283	278	0
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	765	100	239	202	224	0
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1228	373	294	283	278	0
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1228	373	294	283	278	0
1	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
3	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1228	373	294	283	278	0
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1199	354	285	282	278	0
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	548	246	157	77	68	0
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	8	2	5	1	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	29	19	9	1	0	0

Quận 12, ngày 27 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	22	
1	Phòng học kiên cố	22	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5890	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	22	1056/1228
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	196
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	96
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	48
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	48
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	36
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	1	36
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	36
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	27	1/1
1.1	Khối lớp 1	08	1/1

1.2	Khối lớp 2	06	1/1
1.3	Khối lớp 3	07	1/1
1.4	Khối lớp 4	06	1/1
1.5	Khối lớp 5	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	47	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	31	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	21	21/27
2	Cát xét	1	1/27
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	3/27
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	6/27
5	Thiết bị khác...	0	0
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	196

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		6		66
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 12, ngày 05 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2021-2022**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46		01	29	07	04	05	16	18	18				
I	Giáo viên	35		01	27	07			12	17	16				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	04			02	02			01						
3	Tin học	0				0			0						
4	Âm nhạc	01				0					01				
5	Mỹ thuật	01			01						01				
6	Thể dục	01		01					01						
II	Cán bộ quản lý	02			02					01	02				
1	Hiệu trưởng	0 1			01					01					
2	Phó hiệu trưởng	01			01						02				
III	Nhân viên	09			0	0	04	05	04						
1	Nhân viên Văn thư	01					01		01						
2	Nhân viên kế toán	01					01		01						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế - Thủ quỹ	01					01								
5	Nhân viên	01					01		01						

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Học vụ														
10	Chuyên trách phổ cập														
11	Bảo vệ	03						03							
12	Phục vụ	02						02							

Quận 12, ngày 05 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền